

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Kiên

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 161 đường Hai Bà Trưng, tổ 01 phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

- Bị đơn: Anh Lê Thành V, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 161 đường Hai Bà Trưng, tổ 01 phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-7-2021; bản tự khai ngày 11-8-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thành V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 02 năm 2004 tại Ủy ban Nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 03; quyển số: 01/2004, ngày 10/02/2004). Sau khi kết hôn, về chung sống tại số nhà 161 đường Hai Bà Trưng, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng chị sống hạnh phúc một thời gian, sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chị tính cách không hợp nhau, có quá nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng không có sự tôn trọng nhau. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trở nên

trầm trọng và tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành V.

Về nuôi con chung: Chị và anh Lê Thành V có 02 con chung là cháu Lê Gia P, sinh ngày 14-01-2005 và cháu Lê Gia Ngọc Q, sinh ngày 02-8-2013. Hiện nay cháu P và cháu Q đều đang chung sống cùng vợ chồng chị tại số nhà 161 Hai Bà Trưng, tổ 01 phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu P và cháu Q cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên và tự lập được. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị chị Lưu Thị H cho rằng kể từ khi kết hôn anh V đến nay, anh V không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị vừa làm mẹ, vừa làm cha chăm sóc con cái và làm việc để tạo ra thu nhập. Do đó, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Lê Thành V và yêu cầu được nuôi hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Lê Thành V phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Thành V đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay và đều không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 23-8-2021 tại tổ 01 phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh Lê Thành V, sinh năm 1972 và chị Lưu Thị H, sinh năm 1971 từ trước đến nay đều cùng cư trú tại số nhà 161 đường Hai Bà Trưng, tổ 01 phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hiện nay Anh Lê Thành V và chị Lưu Thị H vẫn đang sinh sống tại số nhà trên. Về mâu thuẫn vợ chồng anh V chị H thì địa phương không biết, do anh V chị H không báo cho chính quyền địa phương. Về thu nhập của anh V địa phương chỉ biết từ trước đến nay anh V làm nghề lái xe tải ổn định.

Tại biên bản làm việc ngày 19-10-2021, hai cháu Lê Gia P, sinh năm 2005 và Lê Gia Ngọc Q, sinh năm 2013 đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn, vì mẹ có điều kiện chăm sóc tốt hơn cũng như đảm bảo việc học tập hiện nay.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H được ly hôn với anh Lê Thành V.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Gia P, sinh ngày 14/01/2005 và cháu Lê Gia Ngọc Q, sinh ngày 02-08-2013 cho chị Lưu Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên và tự lập được.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lưu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Lê Thành V, có nơi cư trú tại phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Thành V theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh Lê Thành V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 10-02-2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Thị H và anh Lê Thành V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tính tình không hợp nhau mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Hiện nay chị và anh V không còn quan tâm đến nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn anh và yêu cầu

được quyền nuôi con chung, nhưng anh V không đến thực hiện quyền của mình, điều này thể hiện anh V không quan tâm, bỏ mặc không mong muốn níu kéo, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Tại phiên tòa chị H xác định tình cảm của chị đối với anh V không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành V. Do đó, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lưu Thị H và anh Lê Thành V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Lê Thành V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị và anh Lê Thành V có 02 con chung là cháu Lê Gia P, sinh ngày 14-01-2005 và cháu Lê Gia Ngọc Q, sinh ngày 02-8-2013. Hiện nay cháu P và cháu Q đều đang chung sống cùng vợ chồng chị tại số nhà 161 Hai Bà Trưng, tổ 01 phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Gia P và Lê Gia Ngọc Q cho đến khi các con thành niên và tự lập được. Do anh Lê Thành V vắng mặt không tham gia tố tụng, không có bản khai nộp cho Tòa án và không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng việc nuôi con chung nên Tòa án không có cơ sở xem xét. Xét thấy, chị H có công việc và tạo thu nhập, có nơi cư trú đảm bảo cho việc chăm sóc hai con của chị sau khi ly hôn, nên việc chị H yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Lê Gia P và Lê Gia Ngọc Q, do đó Hội đồng xét xử căn cứ quyền lợi mọi mặt, đảm bảo cho việc học hành của hai cháu P và Q chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị H theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lưu Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lưu Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Lưu Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Lưu Thị H ly hôn anh Lê Thành V.

2. *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung là cháu Lê Gia P, sinh ngày 14/01/2005 và cháu Lê Gia Ngọc Q, sinh ngày 02-8-2013 cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000247 ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Lưu Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo trong 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Ia Kring;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Công Tồn